TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 16/01/2020.
V/v tranh chấp "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thủy.
Ông Lê Đình Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 760/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phan Hoàng L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phan Hoàng L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông C trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 1992 trên cơ sở tự nguyện nhưng vợ chồng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung gia đình bà H ở Phan Hoàng L, vợ chồng đều làm mướn, sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhưng vợ chồng đều không ai muốn hàn gắn tình cảm, hiện nay tuy còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Thời gian sống chung ông bà có 02 người con chung tên Trần Thị Thu C, sinh năm 1993 và Trần Văn An V, sinh năm 1994. Cả hai đều đã thành

niên và đều đã có vợ, có chồng. Khi ly hôn con chung ông không yêu cầu giải quyết;

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà H thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của ông C về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của là do trong thời gian sống chung vợ chồng thường gây cãi, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Nay bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn C và bà Mai Thị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông C và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn, không thuộc trường hợp được xem là hôn nhân thực tế, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, tuyên bố không công nhận công C và bà H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trần Thị Thu C, sinh năm 1993 và Trần Văn An V, sinh năm 1994, đã thành niên, có khả năng lao động và có việc làm để tự nuôi bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản, giải quyết nợ chung: Ông C và bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Trần Văn C và bà Mai Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Trần Thị Thu C, sinh năm 1993 và Trần Văn An V, sinh năm 1994, đã thành niên, có khả năng lao động và có việc làm để tự nuôi bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017778 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Ông C được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Tài